

Số: 109/2021/QĐST-VDS

Thành phố Thủ Đức, ngày 05 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định cha cho con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hà Thị Hoài

Thư ký phiên họp: Ông Trần Vũ, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 548/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, về yêu cầu “Xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-VDS ngày 27 tháng 01 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông N T H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 47/2B, đường 3, khu phố 5, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông P V H, sinh năm 1962

Địa chỉ: 482, đường Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà N T N T, sinh năm: 1964

Địa chỉ: 47/2B, đường 3, khu phố 5, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà P T T T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: khu phố Long Bình, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. P T T L, sinh năm: 1996

Địa chỉ: 47/2B, đường 3, khu phố 5, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 15/12/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự, người yêu cầu ông N T H trình bày: Ông là con ruột của ông P V N và bà N T N T. Năm 2020, ông P V N chết theo giấy khai tử 59 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2 lập ngày 29/8/2020. Ông N chết không để lại di chúc. Ông N có cha mẹ tên P V D, sinh năm 1938 (đã chết năm 1973, có giấy trích lục khai tử số 696/TLKT – BS ngày 11/12/2020) và bà B T S, sinh năm 1940 (đã chết ngày 01/01/2011 theo giấy chứng tử số 01, quyền số 01/2011). Vợ ông N tên bà N T N T, sinh năm 1964. Ông P V N và bà N T N T có 03 người con tên N T H, sinh năm 1982; P T T T, sinh năm 1984; P T T L, sinh năm 1996 (có giấy khai sinh, xác định rõ phần tên cha là ông P V N). Tuy nhiên, trong giấy khai sinh của ông bỏ trống mục tên cha nhưng thực tế từ lúc nhỏ đến khi lớn lên, ông vẫn được cha mẹ ông là ông N và bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, ông N còn có 01 người em trai tên P V H, sinh năm 1962. Tại phiên họp hôm nay, ông yêu cầu Tòa án xác định ông P V N, sinh năm 1960 là cha ruột của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N T N T trình bày: Bà và ông P V N tự nguyện về chung sống vào năm 1981, nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 71, Quyền số 01/2003. Quá trình chung sống, bà và ông N có 03 người con chung tên: N T H, sinh năm 1982; P T T T, sinh năm 1984; P T T L, sinh năm 1996. Tuy nhiên, riêng con chung tên N T H không lấy họ cha và trong giấy khai sinh có để trống mục tên cha là vì mẹ bà là người đi làm giấy khai sinh và khai như thế nhưng thực tế kể từ sinh ra cho đến khi trưởng thành, bà và ông N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 con chung. Tháng 8 năm 2020, ông N chết, không để lại di chúc. Cha mẹ ông N cũng đã chết từ lâu. Hiện nay, ông N có 01 người em trai tên P V H, sinh năm: 1962, địa chỉ: 482, Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay tại Tòa, bà đồng ý với yêu cầu của ông N T H xác định ông P V N là cha ruột của ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P V H trình bày: Ông và ông P V N là anh em ruột. Cha mẹ của ông và ông N tên P V D, sinh năm 1938 (đã chết năm 1973, có giấy chứng tử) và bà B T S, sinh năm 1940 (đã chết ngày 01/01/2011 theo giấy chứng tử số 01, quyền số 01/2011). Ông N có vợ tên N T N T. Bà T và ông N có 03 người con chung tên: N T H, sinh năm 1982; P T T T, sinh năm 1984; P T T L, sinh năm 1996. Ông N và bà T là người trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 con chung. Tháng 8 năm 2020, ông N chết, không để lại di chúc. Nay tại Tòa, ông đồng ý với yêu cầu của ông H đề nghị Tòa án xác định ông P V N là cha ruột của ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P T T T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông H, ông Ha, bà T. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P T T L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông H, ông Ha, bà T. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng Điều 366, 367 của Bộ luật tố tụng tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 25, Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu ông N T H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Yêu cầu “Xác định cha cho con” là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Người bị yêu cầu xác định cha cho con có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Xét quan hệ nhân thân và yêu cầu xác định cha cho con: Do ông H không được xác định tên cha trong mục tên người cha trong giấy khai sinh nên ông H là người có quyền, lợi ích yêu cầu Tòa án xác định ông P V N, sinh ngày 01/11/1960 là cha ruột là phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do ông P V N đã chết theo giấy chứng tử số 59 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông lập ngày 29/8/2020 nên không thể thực hiện giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa ông N và ông H. Tuy nhiên, các bên đương sự đều thừa nhận ông P V H là em ruột của ông P V N. Đồng

thời, ông Ha đồng ý lấy mẫu để thực hiện giám định ADN xác định quan hệ huyết thống giữa ông Ha và ông H.

Ngày 31/12/2020, TANDQ2 ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 21/2020/QĐ – TCGĐ, yêu cầu Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định ADN của ông N T H, sinh năm 1982 và ông P V H, sinh năm 1962 có cùng quan hệ huyết thống không?

Ngày 18/01/2021, Viện khoa học hình sự đã có kết luận giám định số 384/C09B kết luận: Ông P V H và cháu N T H có quan hệ huyết thống theo dòng cha (chú – cháu trai).

Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 90 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của ông N T H về việc xác định ông P V N, sinh năm 1960 là cha ruột của ông N T H là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lệ phí việc dân sự:

Lệ phí việc dân sự ông N T H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0028318 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 22/12/2020. Ông H đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông N T H

Tuyên bố ông P V N, sinh ngày 01/11/1960, địa chỉ thường trú cuối cùng: Số 47/2B, đường 3, khu phố 5, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Số 47/2B, đường 3, khu phố 5, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là bố ruột của ông N T H, sinh năm 26/8/1982.

Ông N T H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục về hộ tịch liên quan đến quyết định trên.

2. Lệ phí việc dân sự ông N T H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số AA/2018/0028318 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 22/12/2020. Ông H đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự:

- Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt đối với Quyết định này là 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn được tính từ ngày đương sự nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

- Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đối với Quyết định này là 10 (mười) ngày và của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 15 (mười năm) ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức

ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- Lưu VP, Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hà Thị Hoài